TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2024
V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên toà: Ông Kiều Vĩnh Phong - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2023/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: "tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 02-02-2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Sỹ P, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: thôn F, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An, có mặt.

- Bị đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: thôn F, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Nhà T, đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 30-10-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Sỹ P trình bày:*

Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng giải quyết cho anh P và chị T ly hôn theo Quyết định số 117/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19-7-2022, theo Quyết định này các bên thỏa thuận như sau: Về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Sỹ P thuận tình ly hôn; Về con chung: Giao 02 con chung cháu Nguyễn Sỹ Quang H, sinh ngày 10 ngày 8 năm 2019 và cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 25 tháng 9

năm 2021 cho chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh P không cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không giải quyết. Sau khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì anh P về quê là xóm A, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An để làm ăn và sinh sống, địa chỉ này là nhà của cha mẹ anh P. Từ khi anh Phúc L với với chị T, anh P không đến thăm con vì anh P không liên lạc được với vợ cũ của anh P, anh P cũng không cấp dưỡng nuôi con vì theo Quyết định của Tòa án thì chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh P mua đồ dùng và bánh kẹo cho các con. Từ khi anh P và chị T ly hôn, anh P chỉ được gặp con 01 lần.

Anh P yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cụ thể là anh P yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Sỹ Quang H, sinh ngày 10-8-2019 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung vì chị T không đủ điều kiện nuôi con, hiện nay con của anh P đang được gửi ở tại chùa N tại ấp E, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương. Theo như anh P được biết hiện nay cháu H không ở tại chùa N nữa. Anh P trình bày thêm hiện nay anh P đang làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2, lương trung bình hàng tháng của anh P là 10.500.000 đồng. Anh P đủ tiền trang trải lo cho cuộc sống của anh P và cháu H.

* *Bị đơn chị Phan Thị T trình bày*:

Chị Phan Thị T thống nhất như lời trình bày của anh P về quá trình chung sống và đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số 117/2022/QĐST-HNGĐ ngay 19-7-2022. Tòa án ghi nhận sự thỏa của các bên về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung nhơ lời anh P trình bày và đúng vơi nội dung trong Quyết định số 117/2022/QĐST-HNGĐ ngay 19-7-2022.

Sau khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự chị T về quê ở Xóm C, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An để làm ăn và sinh sống. Chị T về quê cùng hai con. Đến tháng 11-2022, chị T đã gửi cháu H vào chùa N tọa lạc tại ấp E, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương còn cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2021 vẫn ở với ông ngoại tại Xóm C, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Chị T gửi cháu H từ tháng 12-2022 đến tháng 11-2023 thì chị T đã đón cháu về sống cùng. Lý do chị T gửi cháu H vào chùa N vì chị T phải đi xuất khẩu lao động bên N, đầu tháng 3-2023, chị T bị bệnh phải trở về Việt Nam chữa trị, thời điểm này chị T vẫn gửi cháu H ở chùa N. Chị T không gửi cháu H cho anh P mà gửi cháu H vào chùa vì anh P nói rằng cháu H không phải con của anh P đồng thời thời điểm đó chị T không đủ điều kiện kinh tế, không có thu nhập.

Ngoài gửi cháu H ở chùa N, chị T còn gửi cháu H1 ở chùa A gửi cho thầy Phạm Văn P1, chùa T2 tại xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chị T gửi cháu H vào chùa A từ tháng 12-2023 đến đầu tháng 01-2024 là chị T đã đón cháu về sống chung.

Hiện nay chị T đang sống cùng anh Lê Thanh Đ, sinh năm 1994; nơi thường trú thì chị T chỉ biết là người ở An Giang. Chị T sống cùng với cháu Nguyễn Ngọc Như Ý và sống chung như vợ chồng với anh Đ từ tháng 7 năm 2023 tại nhà trọ T3, đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Nay anh P yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con cụ thể: Anh P yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Sỹ Quang H, sinh ngày 10-8-2019 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì chị T không đồng ý vì chị T đủ khả năng nuôi con và chăm sóc con.

** Người làm chứng bà Nguyễn Thanh T1 trình bày:* Bà T1 và chị Phan Thị T là chị em thân thiết, trong giai đoạn dịch covid-19 năm 2021, bà T1 thấy hoàn cảnh của chị T khó khăn nên bà T1 giúp đỡ chị T do chồng chị T là anh Nguyễn Sỹ P đang thực hiện ba tị chỗ trong Công ty, chị T một mình nuôi con và đang mang thai bé thứ hai.

Sau khi ly hôn, chị T chuẩn bị đi N để xuất khẩu lao động nên chị T đã đi qua Đồng Nai học tiếng Nhật. Vì vậy, chị T đã giao hai con là cháu Nguyễn Sỹ Quang H, sinh ngày 10 ngày 8 năm 2019 và cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2021 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T1 chăm sóc hai cháu khoảng từ tháng 7-2022 đến tháng 12-2022. Khoảng tháng 12-2022, cháu H được chị T gửi vào chùa, cháu Nguyễn Ngọc Như Ý thì chị T đã đem về ở với ông ngoại ở quê. Bà T1 là người chỉ chùa cho chị T gửi. Lý do bà T1 chỉ chùa N cho chị T là do chị T trình bày rằng gia đình nhà nội của cháu H là gia đình thường xuyên vi phạm pháp luật, mặt khác chị T bảo nếu đưa cháu H cho anh P sẽ không đảm bảo vì anh P không cho cháu H đi học nên bà T1 nói với chị T rằng bà T1 biết chùa N ở H chăm sóc trẻ tốt và các cháu cũng được đi học, chùa ở gần có thể lui tới thăm bé, ban đầu bé H được gửi vào chùa N ở ấp E, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương sau đó một thời gian cháu H đã gửi qua bên chùa Đ3 còn chùa nào thì bà T1 không biết.

Bà tâm trình bày thêm, khoảng đầu năm 2023, chị T bị bệnh từ N về thì chồng bà T1 là ông Lê Thanh Đ (tên gọi khác: Lâm Nhựt H2) kiếm chuyện với bà T1, bà T1 không biết nguyên nhân vì sao. Sau đó ông Đ đã mang quần áo của bà T1 bỏ đi, sau một thời gian ông Đ và bà T có qua lại với nhau, ở chung và phát sinh tình cảm nam nữ. Ông Đ không phải là chồng hợp pháp của bà T1, bà T1 và ông Đ sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Hiện nay ông Đ và chị T đang sống chung như vợ chồng cùng cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, còn cháu H ở trên chùa mới được chị T rước về khoảng 03 ngày.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng tham gia phiên toà*:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định. Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị T đang sinh sống tại địa chỉ: Nhà T, đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Sỹ P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với chị T nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-01-2024, chị T khai cháu H đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T trình bày và thừa nhận như sau: Sau khi có quyết định ly hôn của Tòa án, chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Sỹ Quang H và cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sau đó chị T đã gửi cháu H vào chùa N ở ấp E, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương từ tháng 12-2022, tháng 11-2023 chị T đã đón cháu H về sống cùng. Theo Biên bản hòa giải ngày 15-01-2024, chị T trình bày lý do chị T gửi cháu H vào Chùa vì chị T phải đi N. Đến tháng 3-2023, chị T phát hiện bị bệnh viêm gan siêu vi B và trở về Việt Nam chữa trị, thời điểm này chị T vẫn gửi cháu H ở Chùa. Chị T không gửi cháu H cho anh P vì anh P bảo cháu H không phải con của anh P. Ngoài gửi cháu H ở chùa N, chị T còn gửi cháu H1 ở chùa A gửi cho thầy Phạm Văn P1, chùa T2 tại xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chị T gửi cháu H vào chùa A từ tháng 12-2023, tháng 01-2024 chị T đã đón cháu về sống chung. Chị T thừa nhận không đủ điều kiện kinh tế, không có thu nhập nên chị T đã gửi cháu H vào chùa.

[2.2] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-01-2024, người làm chứng bà Nguyễn Thanh T1 trình bày: bà T1 là người trực tiếp trông nom 02 con là cháu Nguyễn Sỹ Quang H, sinh ngày 10 ngày 8 năm 2019 và cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2021 trong thời gian chị T đi qua Đồng Nai học tiếng Nhật. Bà T1 chăm sóc hai cháu từ tháng 7-2022 đến tháng 12-2022 sau đó cháu

H được chị T được gửi vào chùa N ở H. Còn cháu Nguyễn Ngọc Như Ý thì chị T đã đem về sống cùng ông ngoại ở quê.

[2.3] Tại Biên bản xác minh ngày 08-01-2024, công an thị trấn L xác nhận: Chị Phan Thị T hiện sống cùng cháu Nguyễn Ngọc Như Ý và sống chung như vợ chồng với ông Lê Thanh Đ tại nhà trọ T3, đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Sỹ P hiện đang sống cùng với cùng anh ruột là anh Nguyễn Sỹ Đ1 tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Quá trình sinh sống tại địa phương anh P chấp hành mọi đường lối, chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước, anh P không phải là đối tượng nghiện tại địa phương.

[2.4] Tại Biên bản xác minh ngày 12-01-2024 tại chùa N, ông Lê Văn H3 trụ trì chùa cung cấp: chị T mang cháu H vào chùa N gửi từ tháng 9-2022, đến khoảng tháng 7-2023 chị T đã đón cháu H về.

[2.5] Tại Biên bản xác minh tại chùa A, đại diện chùa A cung cấp: Chùa đã nhận nuôi cháu H từ ngày 31-10-2023, quá trình nhận nuôi cháu H có đầy để giấy tờ và thủ tục. Đầu tháng 01-2024, chị Phan Thị T đã đến đón cháu H về, hiện nay cháu H không còn ở tại chùa A.

Như vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình sau khi Tòa án giải quyết cho anh P và chị T ly hôn, hai con chung là cháu H và cháu Như ý được Tòa án giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tuy nhiên, chị T không trực tiếp nuôi dưỡng cháu H mà gửi cháu H cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, sau đó chị T đã gửi cháu H vào chùa N ở B và chùa A tại Thành phố B, đến đầu tháng 01-2024 chị T đã đón cháu H về sống cùng. Chị T không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung vi phạm quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị T cũng thừa nhận rằng chị T không có điều kiện kinh tế và không có thu nhập nên đã gửi cháu H vào chùa. Anh P có thu nhập hàng tháng (kèm theo bảng lương do anh P cung cấp). Để cháu H có cuộc sống phát bình thường về mặt thể chất và tinh thần, gần những người thân của cháu H, cần giao cháu H cho anh P trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh P.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Sỹ P về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" với bị đơn chị Phan Thị T.

Giao con chung tên Nguyễn Sỹ Quang H, sinh ngày 10 ngày 8 năm 2019 cho anh Nguyễn Sỹ P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Phan Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Sỹ P và chị Phan Thị T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Chị Phan Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Sỹ P tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010519 ngày 06-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai